

QUAN HỆ GIỮA VIỆT NAM - CAMPUCHIA - XIÊM GIAI ĐOẠN 1834 - 1848

DƯƠNG DUY BẰNG*

Cuộc tấn công Campuchia và Việt Nam của Xiêm cuối năm 1833 đầu năm 1834 đã làm thay đổi sâu sắc vị thế của Xiêm và Việt Nam ở Campuchia⁽¹⁾. Bị thất bại nặng nề trong cuộc chiến tranh này, ảnh hưởng chính trị của Xiêm ở Campuchia sa sút hết sức nghiêm trọng, trong khi đó thế và lực của triều Nguyễn ở Campuchia trở nên mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Chiến tranh cũng để lại những hậu quả nặng nề cho Campuchia và đẩy quan hệ giữa ba nước sang một giai đoạn mới, giai đoạn xung đột và chiến tranh kéo dài.

1. Sau khi đánh bại quân Xiêm ở Hà Tiên, Châu Đốc và ở Campuchia, triều Nguyễn đã thi hành một loạt chính sách cứng rắn ở Campuchia nhằm loại bỏ hoàn toàn ảnh hưởng của Xiêm ở đất nước này. Ngay từ đầu năm 1834 triều Nguyễn đã triển khai sáu việc cần kíp là: thiết lập một loạt thành trì, đồn trại ở Campuchia; chia quân đóng giữ những vị trí trọng yếu; dự trữ quân nhu ở các đồn trại; khen thưởng và xử phạt các quan lại Khơme; đình chỉ

việc cho sứ giả Campuchia sang Xiêm; chỉnh đốn quân đội Campuchia và chiến cụ (10; 55-59). Như vậy là ngay sau chiến tranh, triều Nguyễn đã nắm trọn việc quốc phòng và đối ngoại của Campuchia.

Đầu năm 1835 vua Campuchia là Ang Chan chết nhưng không có con trai để nối ngôi, vua Minh Mạng quyết định tạm trao quyền cho hai viên quan Khơme thân Việt là Trà Long, La Kiên (11; 393) và cử Trương Minh Giảng giữ chức “bảo hộ” Campuchia (12; 24). Việc lựa chọn ngôi vua Campuchia trở thành vấn đề chính trị phức tạp và ảnh hưởng lớn đến các sự kiện sau này. Ang Chan có hai người em trai là Ang Im (sử nhà Nguyễn gọi là Nặc Yêm hay Nặc Yểm) và Ang Đuông (Nặc Đôn hay Nặc Dun, Nặc Ong Giun) đã sống lưu vong ở Băng Cốc từ lâu và bốn người con gái là Ang Pen (Ngọc Biện), Ang Mây (Ngọc Vân), Ang Peu (Ngọc Thu), Ang Sngoun (Ngọc Nguyên). Là em ruột của vua Ang Chan, Ang Im và Ang Đuông có đủ tư cách để lên ngôi một cách hợp pháp,

* TS. Dương Duy Bằng, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

tuy nhiên cả hai nhân vật này không được triều Nguyễn lựa chọn vì họ đã theo Xiêm để chống lại anh mình là Ang Chan được triều Nguyễn ủng hộ. Trong bốn người con gái của Ang Chan thì Ang Pen, con gái cả, cũng bị loại vì là cháu ngoại của Ben - nguyên tổng đốc Battambang, một viên quan thân Xiêm. Cuối cùng triều Nguyễn quyết định lựa chọn người con gái thứ hai của Ang Chan là Ang Mây, 20 tuổi, làm người đứng đầu triều đình Campuchia với tước hiệu Chân Lạp quận chúa (12; 106). Việc lựa chọn Ang Mây làm người đứng đầu triều đình Campuchia không được đông đảo quý tộc, quan lại Campuchia ủng hộ và ngôi vị của Ang Mây chỉ mang tính hình thức, quyền lực thực tế nằm trong tay quan “bảo hộ” Trương Minh Giảng. Điều này đã gây bất bình trong giới quý tộc, quan lại Campuchia.

Tiến thêm một bước, cũng ngay trong năm 1835, Minh Mạng quyết định tổ chức bộ máy cai trị trực tiếp Campuchia. Campuchia được đổi tên là Trấn Tây thành và được chia làm 33 phủ, 2 huyện. Các phủ, huyện này được đặt tên Việt Nam. Các phủ gồm: 1. Nam Vang, 2. Thị Thu sau đổi là Kỳ Tô, 3. Tâm Đôn, 4. Tuy Lạp, 5. Ba Nam, 6. Ba Lai, 7. Bình Siêm, 8. Kha Bát, 9. Lô Viên, 10. Hải Đông, 11. Kim Trường, 12. Thâu Trung, 13. Ca Âu, 14. Vọng Vân, 15. Hà Bình, 16. Trưng Lỗi, 17. Sơn Phủ, 18. Sơn Bốc, 19. Tâm Vu, 20. Khai Biên, 21. Hải Tây, 22. Kha Sâm, 23. Thê Lạp, 24. Cẩm Bài, 25. Lô Việt, 26. Long Tôn, 27. Quảng Biên, 28. Hoá Di, 29. Chân Tài, 30. Ý Dĩ, 31. Chân Thành, 32. Mật Luật, 33. Ô Môn. Hai huyện là: Cẩn Chế và Cẩn Đô (8; 549).

Bộ máy cai trị ở Trấn Tây thành gồm:

một Tướng quân, một Tham tán đại thần, một Đề đốc, một Hiệp tán cơ vụ, hai Lãnh binh, hai phó Lãnh binh và nhiều quan chức khác (13; 165). Thụ Đông các điện đại học sĩ, tổng đốc An Giang-Hà Tiên Trương Minh Giảng được cử làm Trấn Tây thành Tướng quân, mang ấn Trấn Tây Tướng quân. Tuần phủ An Giang Lê Đại Cương được cử làm Trấn Tây thành Tham tán. Minh Mạng còn quy định: “toàn hạt thành Trấn Tây đều đặt dưới quyền cai quản của hai người này, không phải mang ấn và hàm Bảo hộ nước Chân Lạp” (13; 165). Với chính sách trực trị này, triều Nguyễn đã coi Campuchia là một bộ phận lãnh thổ của mình. Chính Minh Mạng đã nói với các triều thần rằng: “nay nước Chân Lạp đã vào bản đồ, trăm muốn chia đặt phủ, huyện để dạy bảo” (13; 258). Năm 1837 triều Nguyễn còn đề ra chủ trương: “dạy bảo dân phiên đều học tiếng kinh, chữ kinh” để “gặp khi có việc, cùng nhau báo cáo, đều được thông hiểu, có thể không có lo về ý kiến không hợp nhau” (13; 259). Bằng một loạt những chính sách trên triều Nguyễn đã thiết lập được sự thống trị của mình ở Campuchia.

2. Bị thất bại ở Việt Nam và ở Campuchia trong cuộc chiến tranh cuối năm 1833 đầu năm 1834, Xiêm buộc phải rút quân về nước. Ảnh hưởng chính trị của Xiêm ở Campuchia gần như bị loại bỏ trong điều kiện triều Nguyễn đóng quân và đặt quan lại cai trị Campuchia. Tuy nhiên, triều đình Băng Cốc luôn theo dõi hết sức chăm chú các diễn biến chính trị ở Campuchia và chờ đợi cơ hội để khôi phục địa vị của mình. Vua Xiêm Rama III tuyên bố rằng ông ta luôn chuẩn bị sẵn sàng để khi có thời cơ sẽ “biến đất nước

Campuchia thành rừng” nếu như dân chúng nước này phản đối việc khôi phục sự kiểm soát chính trị của Xiêm (2; 128). Ngay từ tháng 5 năm 1834, Xiêm đã điều 5.000 quân tới Battambang - một tỉnh của Campuchia lệ thuộc Xiêm, khiến dân chúng vùng biên giới sợ hãi phải bỏ chạy. Được tin đó triều Nguyễn vội điều động thêm 3.000 quân từ Gia Định (10; 261, 262) và sau đó lại điều thêm 2.000 quân từ Vĩnh Long và Định Tường sang Campuchia (10; 271), đồng thời tăng cường vũ khí cho các quân thứ Gia Định và Trấn Tây (10; 272).

Rõ ràng, ở thời điểm đó Xiêm không thể dùng lực lượng quân sự để tấn công quân Nguyễn. Việc Xiêm đưa thêm quân ra sát biên giới Campuchia chỉ mang tính chất phòng vệ và để hỗ trợ cho lực lượng thân Xiêm ở Campuchia. Tuy nhiên, để chống lại triều đình Huế và khôi phục địa vị của mình ở Campuchia, triều đình Băng Cốc có trong tay những quân bài chiến lược, đó là hai hoàng tử Ang Im và Ang Đuông, những người có khả năng giúp Xiêm gây mâu thuẫn trong hoàng tộc Khơme và lôi kéo dân chúng theo Xiêm chống Việt Nam. Với mục đích đó, tháng 4 năm 1835 Xiêm cho Ang Đuông mang 300 quân ra sát biên giới Campuchia để thám thính tình hình và lôi kéo quan lại, dân chúng Khơme. Triều Nguyễn theo dõi sát sao sự kiện này và đánh giá việc Ang Đuông xuất hiện ở biên giới “là do người Xiêm mưu toan xảo quyệt, xúi đến thăm dò ý tứ quan phiên”, “lừa dối” dân chúng (12; 107, 108, 109).

Tiếp đó, được Xiêm hỗ trợ Ang Im cũng yêu cầu chính quyền Ang Mây cho về Campuchia để làm lễ cầu phúc cho Ang

Chan (13; 58). Biết tin này Trương Minh Giảng sai người viết thư cự tuyệt. Trong con mắt của vua quan triều Nguyễn thì Ang Im và Ang Đuông là những người “đã phản bội vua (Ang Chan), lia bỏ mẹ, chạy sang nước khác... lại dẫn giặc Xiêm vào tàn phá thành quách Chân Lạp, giết hại nhân dân Chân Lạp” (12; 108, 109), việc họ xin về nước chẳng qua là nhằm lôi kéo quan lại và dân chúng Khơme theo Xiêm, chuẩn bị lực lượng và thời cơ đánh quân Nguyễn.

Năm 1836 Rama III ra lệnh thống kê dân số Khơme và Lào sống dọc biên giới Xiêm - Campuchia để khi cần sẽ huy động vào quân đội (5; 88). Đầu năm 1837 tướng Xiêm là Bôđin cùng Ang Đuông đem 5.000 quân đóng ở Battambang (14; 55). Bôđin cũng cho xây dựng một thành mới ở Battambang (14; 89) nhằm tăng cường khả năng phòng thủ biên giới. Trong suốt cả năm 1838 Xiêm tiếp tục điều động những đội quân lớn ra sát biên giới Campuchia và cho nhiều toán quân xâm nhập vào đất Campuchia (15; 40, 50, 90). Tất cả những động thái nói trên của triều đình Băng Cốc tuy chưa đe dọa được quân Nguyễn ở Campuchia và chính quyền phong kiến Campuchia do triều Nguyễn bảo trợ, nhưng đã làm phân hoá giới quý tộc, quan lại Campuchia và lôi kéo được một bộ phận dân chúng theo Xiêm chống lại triều Nguyễn.

3. Bất bình với các chính sách của triều Nguyễn, lại được Xiêm hỗ trợ, ngay từ cuối năm 1837 một số quan lại ở phủ Hải Đông (Kompong Thom) đã tập hợp lực lượng chuẩn bị nổi dậy. Đại Nam thực lục cho biết: “Phiên mục phủ Hải Đông thành Trấn Tây, vệ úy lãnh chức an phủ, quản lý các cơ sở binh ở đồn phủ là Sa Tháp, dong

chứa người làm phản, mưu đem Nặc Ong Giun về nước Lạp (Campuchia), bị dân phiên tố giác. Quan thành ấy là bọn Đoàn Văn Phú, Lê Đại Cương, Bùi Công Huyền mật sai Lãn binh là Nguyễn Văn Hoà, đi đến nã bắt, xích giải về thành xét trị, bèn lữ hấn là Đô Y thấy việc tiết lộ, bèn họp trở về đất Tăng Cẩn Lãng (tên đất) giết hại dân kinh buôn bán hơn 100 người để làm thanh thế” (14; 329). Được tin về sự kiện này, Minh Mạng đã chỉ thị cho Trương Minh Giảng tăng cường “huấn luyện quân lính, sắm quân nhu, sửa khí giới, làm thành bảo, do thám xa” để đối phó lại với sự phản ứng của quan lại và dân chúng Khơme (14; 331).

Cuối năm 1839 đầu năm 1840, Ang Im mắc mưu của Trương Minh Giảng, từ Battambang đem gia quyến, thuộc hạ quay về Campuchia với hy vọng được triều Nguyễn tin dùng và sẽ được lên ngôi vua Campuchia. Đại Nam thực lục đã ghi lại chi tiết sự kiện này:

“Nặc Yểm (Ang Im) là em quốc vương Chân Lạp cũ, từ nước Xiêm mang quân về nước. Năm trước Yểm không hoà với anh, phản lại anh, sang nương tựa nước Xiêm. Người Xiêm cho ở Bắc tâm bôn (Battambang). Đến nay tướng Xiêm là Chất Tri (Bôđin) về thành Vọng Các (Băng Cốc), chỉ để đầu mục Xiêm là Ba Lạc Đột ở lại cai quản vài ba trăm lính Xiêm phòng giữ. Yểm thất vọng với Xiêm đã lâu, vẫn mưu tính quay về đất cũ. Nay nhân lúc chúng sơ phòng, bèn họp bọn lữ đánh úp, giết lính Xiêm, bắt trời bọn Ba Lạc Đột 12 người, phóng hoả đốt nhà dân phía ngoài thành rồi mang gia quyến cùng hơn 9.000 thổ dân, hơn 800 chiếc thuyền và voi ngựa, súng lớn nhỏ, khí giới do

đường thuỷ kéo về cuối địa giới Hải Tây... và cho người mang thư về trước xin bình tiếp viện” (16; 269). Việc quay trở về của Ang Im cùng gia quyến là một cơ hội giúp triều Nguyễn ổn định tình hình, chống lại âm mưu sử dụng các hoàng tử Campuchia để lôi kéo quan lại, dân chúng Khơme của Xiêm. Tuy nhiên Trương Minh Giảng và quan lại nhà Nguyễn ở Campuchia đã không tận dụng được cơ hội này do có mối ác cảm với Ang Im từ trước. Trái với sự mong đợi của mình, ngay sau khi đến Phnôm Pênh, Ang Im đã bị bắt. Gia quyến và tùy tùng của Ang Im khoảng 200 người bị đưa về Gia Định, Vĩnh Long giam cầm (16; 270). Sau đó theo lệnh của Minh Mạng, Ang Im bị giải về Huế (16; 270).

Việc Ang Im và hàng nghìn dân chúng từ Battambang - một tỉnh của Campuchia nhưng lệ thuộc Xiêm, bỏ đi đã gây xáo động lớn cho triều đình Băng Cốc. Rama III lập tức cử Bôđin từ Băng Cốc đem quân tới Battambang để trấn giữ, đề phòng quân Nguyễn tấn công. Rama III cũng ra lệnh tuyển quân (5; 93). Một lần nữa Xiêm lại sẵn sàng cho một cuộc tấn công vào Campuchia.

Tình hình an ninh ở Campuchia ngày càng xấu đi. Tháng 5 năm 1840, triều Nguyễn cách chức ba viên đại thần Khơme là Trà Long, Nhâm Vu, La Kiên khi họ đến Huế chúc thọ Minh Mạng và giao cho các tỉnh Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên quản thúc. Lý do là những viên quan này thường thoái thác không chịu “đem binh đi đánh giặc” (những người Khơme chống đối quan quân nhà Nguyễn) và không báo cáo thực số nhân khẩu ở Campuchia cho triều Nguyễn (8; 551). Cũng vào mùa hè năm 1840, Minh Mạng

cử Lê Văn Đức làm Khâm sai đại thần, Doãn Uẩn làm phó Khâm sai đại thần “đi kinh lược Trấn Tây” và cùng với quan lại nhà Nguyễn ở Campuchia cho đo đạc lại ruộng đất, thống kê dân số, khảo sát các nghề nghiệp để “định rõ ngạch thuế” (8; 550). Quan quân triều Nguyễn ở Campuchia còn tìm mọi cách đòi hối lộ, ức hiếp, những nhiều dân chúng. Sử nhà Nguyễn phải thừa nhận: “Bọn thổ phỉ ở Trấn Tây gây biến, đã xét hỏi kỹ lưỡng, thực do ngày thường các viên thượng ty võ về trị dân trái phương pháp, cùng những lưu quan như: Tri phủ Hải Tây là Vũ Hành, đòi lấy bạc hối lộ của thổ mục, lại hiếp bắt con gái dân mới quy phục sung làm gia nô, Tri huyện Trung Hà là Lê Bá Hùng cướp lấy thủy lợi để bán, đặt riêng đồn sở, đòi hỏi thuyền buôn phải đưa lễ vật. Và dân kinh, lính kinh cũng cậy thế lấn áp người thổ, nhiều tệ nhiều khoe, nên mới sinh chuyện” (17; 329).

Tháng 8 năm 1840, Ang Pen (Ngọc Biện) bị phát giác là có ý định trốn sang Xiêm. Lập tức Ang Pen bị tước bỏ hàm huyện quân. Ang Pen, Ang Mây (Ngọc Vân), Ang Peu (Ngọc Thu), Ang Snguan (Ngọc Nguyên) đều bị đưa sang Gia Định. Sau đó Ang Pen bị chém (17; 177, 179). Những người có liên quan tới Ang Pen thì một số bị chém, số còn lại bị giam cầm (17; 179, 225).

Những việc làm bạo ngược nói trên của triều Nguyễn cũng như của quan quân nhà Nguyễn ở Campuchia đặc biệt là việc bắt các công chúa, trong đó có cả quận chúa Ang Mây và xử chém Ang Pen đã gây bất bình rất lớn trong giới quý tộc, quan lại và dân chúng Khơme, khiến cho “nhân tình không khỏi có phần sợ hãi”

(17; 252), quan lại thì “cũng nơm nớp sợ tội sắp đến, càng không tự yên lòng” (17; 252), giới quan lại và dân chúng Khơme ngày “càng có lòng oán vọng” (17; 225).

Bị tổn thương và bất bình, quan lại, dân chúng Campuchia đã vùng dậy. Tháng 9 năm 1840 phong trào khởi nghĩa bùng nổ và nhanh chóng lan rộng khắp nơi. Sử nhà Nguyễn đã phản ánh chi tiết phong trào khởi nghĩa này:

“Canh Tý, Minh Mệnh năm thứ 21 (1840), mùa thu. Thổ biến, thổ dân ở thành Trấn Tây làm phản” (17; 225).

“Bọn giặc nổi dậy khắp cả mọi nơi, phủ huyện không kiểm chế được, lưu quan và dân kinh, phần nhiều bị giết hại. Bọn Tướng quân, Tham tán dâng sớ nhận lỗi và nói: thổ mục, thổ dân ngầm ngầm thông nhau làm phản, chỉ vì thấy quân ít, nên ngày càng lan tràn quấy nhiễu” (17; 229).

“Bọn Tướng quân, Tham tán ở Trấn Tây tâu nói: phủ huyện thuộc hạt ấy chỗ nào cũng có giặc” (17; 233).

Cuộc khởi nghĩa chống quan quân nhà Nguyễn của quan lại và dân chúng Campuchia còn lan sang cả Nam kỳ. Người Khơme ở Gia Định, Hà Tiên, Định Tường cũng ồ ạt nổi dậy “chỗ nhiều thì 1, 2 nghìn người, chỗ ít cũng không kém vài trăm người, hoặc đánh vây đồn bảo, hoặc mặt thủy, mặt bộ giết hại dân kinh”, “hễ có quan binh đến, lại lẫn trốn vào rừng, theo dõi thì không có dấu vết gì, quan quân đi thì lại đến” (17; 260).

Trước tình hình đó, Minh Mạng chủ trương đưa quân sang đàn áp. Quân Nguyễn được đưa sang Campuchia ngày càng nhiều (17; 226 - 234). Chỉ trong vòng

2 tháng, tổng số quân Nguyễn được điều sang Campuchia đã lên tới 20.000 người (17; 314). Tuy có một lực lượng khá lớn nhưng quân Nguyễn không những không thể đàn áp được phong trào khởi nghĩa ngày càng lan rộng của người Khơme mà còn bị rơi vào một tình thế vô cùng khó khăn. Tháng 3 năm 1841, trong một bản báo cáo gửi triều đình, Trương Minh Giảng đã nêu ra những khó khăn không dễ gì khắc phục được của quân Nguyễn trong việc đàn áp khởi nghĩa: "Quân ta đánh mạn đông thì chúng (quân khởi nghĩa) trốn sang mạn tây, lấy được chỗ nọ thì bỏ chỗ kia. Phàm những nơi chúng tụ họp đều là rừng rậm cây kín, xen vào đó những chằm sâu đầm lớn, quan quân không thể tiến nhanh được. Ngoài đấy ra, cỏ rậm ngập mắt, cát bụi mù trời, lại thêm nắng nóng dữ quá, quân đi suốt ngày không chỗ nào có hộp nước để uống... Huống chi lại, quân mang lương đi, chỉ đủ cung cấp 4, 5 ngày, nhỡ ra có khi không cung cấp nổi tiếp được lương thực, bắt buộc phải đem quân trở về" (18; 112). Trương Minh Giảng cũng thừa nhận rằng, mặc dù đã dùng nhiều cách để chiêu dụ quân khởi nghĩa, nhưng tuyệt nhiên không có một người nào ra đầu thú (18; 112).

4. Cuộc khởi nghĩa của quan lại và dân chúng Campuchia đánh dấu sự phá sản của chính sách cai trị của nhà Nguyễn ở đây. Triều đình Băng Cốc không bỏ lỡ một cơ hội thuận tiện như thế để đưa quân vào Campuchia, hỗ trợ quân khởi nghĩa, đánh đuổi quân Nguyễn và tái xác lập địa vị của mình. Đầu năm 1841, theo lời thỉnh cầu của một số quan lại Campuchia, Rama III lập tức huy động một đạo quân lớn do Bôđin chỉ huy, mang theo Ang

Đuông đến Battambang (5; 95). Nhiệm vụ của đạo quân này là đánh đuổi quân Nguyễn, bình định Campuchia và đưa Ang Đuông lên ngôi. Kể từ khi Ang Im bỏ Xiêm chạy về Campuchia và sau đó bị quân Nguyễn đưa đi Huế, thì Ang Đuông trở thành người thừa kế hợp lệ duy nhất ngôi vua Campuchia mà Xiêm có trong tay. Ang Đuông chịu ơn đưa lên ngai vàng chắc chắn sẽ là một bồi thần trung thành của Xiêm.

Sau khi đến Battambang, Ang Đuông đưa quân xâm nhập vào Pursat. Tại đây đã diễn ra một trận đánh lớn giữa quân Xiêm-Khơme với quân Nguyễn. Nhờ ưu thế về quân số, quân Xiêm-Khơme đã nhanh chóng chiếm được phủ thành Pursat (5; 96). Ang Đuông tiếp tục tiến sâu vào lãnh thổ Campuchia. Do phải dàn mỏng lực lượng để đối phó với quân khởi nghĩa ở khắp mọi nơi nên quân Nguyễn không có đủ lực lượng để ngăn chặn Ang Đuông. Tháng 4 năm 1841, Ang Đuông đến Udông cùng với 5.000 lính và các cố vấn Xiêm (2; 161). Ang Đuông giành lại Udông. Quân Nguyễn ở đấy rút về Phnôm Pênh (5; 97).

Trong khi tình hình ở Campuchia diễn biến hết sức bất lợi cho quân Nguyễn thì Minh Mạng qua đời (tháng 1 năm 1841). Thiệu Trị nối ngôi đã có một số thay đổi trong chính sách ở Campuchia. Ông quyết định sử dụng các ông hoàng, bà chúa Campuchia mà triều Nguyễn đang quản thúc. Tháng 3 năm 1841 triều Nguyễn cho quận chúa Ang Mây và các em là Ang Peou, Ang Snguon về Campuchia (18; 132), mấy tháng sau Ang Im cũng được tha về Campuchia (18; 256). Triều Nguyễn hy vọng những nhân vật này sẽ

giúp cho quan quân nhà Nguyễn ở Campuchia chiêu tập dân chúng, ổn định tình hình và đối chọi với Ang Đuông. Tuy nhiên biện pháp này đã quá muộn. Ang Đuông với sự trợ giúp của người Xiêm đã điều khiển mọi công việc như là một nhà vua và được đông đảo quan lại, dân chúng Campuchia ủng hộ.

Ở Phnôm Pênh quân Nguyễn cũng chỉ đóng giữ trong thành và một số đồn trại xung quanh, còn ngoại thành đã nằm trong tay quân khởi nghĩa (18; 348). Trước tình hình chiến sự ngày càng bất lợi, các đại thần triều Nguyễn đã phải đề nghị Thiệu Trị cho rút quân về An Giang (18; 349). Sau khi nghe các văn võ đại thần bàn bạc, Thiệu Trị tán thành chủ trương rút quân về nước bởi chính ông cũng nhận thấy rằng: “từ khi Trấn Tây có việc binh đao đến giờ, sáu tỉnh Nam kỳ, binh và dân đều nhọc mệt, triều đình cũng khó nhọc, tổn phí không biết đâu mà kể... sự thể hiện nay buộc phải như thế” (18; 350). Tháng 11 năm 1841 Trương Minh Giảng rút quân khỏi Campuchia về An Giang, mang theo cả Ang Im, Ang Mây, Ang Peu và Ang Sngoun. Về đến An Giang, Trương Minh Giảng thấy mình không giữ được Campuchia “trong lòng uất ức, vừa xấu hổ, vừa tức giận” đã ốm chết (18; 351). Việc buộc phải rút quân ra khỏi Campuchia và cái chết của Trương Minh Giảng chứng tỏ chế độ cai trị mà triều Nguyễn áp đặt ở Campuchia từ năm 1834 do Trương Minh Giảng đứng đầu đã hoàn toàn sụp đổ. Thiệu Trị quy trách nhiệm để mất Campuchia cho Trương Minh Giảng là do “trị dân và chống giặc không đúng phương pháp, cho nên thổ dân cùng nổi lên làm loạn” và cách chức một loạt quan, tướng

vừa từ Campuchia về (18; 351, 352, 353).

Ngay sau khi quân Nguyễn rút đi, Ang Đuông đã từ Udông về Phnôm Pênh. Đến đây Ang Đuông và quân Xiêm đã làm chủ hầu hết lãnh thổ Campuchia. Đây là một thắng lợi quan trọng của Xiêm trong cuộc đấu tranh giành giật lại ảnh hưởng ở Campuchia với Việt Nam. Không những thế, ngay sau đó quân Xiêm-Khơme còn xâm lấn biên giới Việt Nam ở phía Tây Nam. Trên biển, khoảng 80, 90 chiến thuyền Xiêm tấn công Hà Tiên. Trên bộ, quân Xiêm-Khơme xâm phạm khu vực kênh Vĩnh Tế và vùng Đa Phúc ở Tiền Giang; An Lạc, Tân Châu ở Hậu Giang. Tuy nhiên chỉ trong tháng 3 năm 1842, triều Nguyễn đã huy động một lực lượng lớn quân đội đánh tan quân Xiêm-Khơme cả ở trên biển và trên bộ (19; 157, 158).

Tuy đã giành lại được Campuchia nhưng quân Xiêm ở Campuchia ngày càng gặp nhiều khó khăn. Một trong những vấn đề nan giải nhất là thiếu lương thực, do nguồn tiếp tế thì xa, còn nguồn cung cấp tại chỗ hầu như không có. Tình thế quẫn bách đến nỗi trong một bức thư gửi Rama III, Bôđin buộc phải báo cáo: “chúng tôi không có đủ lương ăn. Dân chúng thì bỏ vào rừng sống bằng lá cây, rễ củ. Có khoảng một nghìn lính của chúng ta đã chết vì thiếu ăn” (2; 165). Việc dân chúng “bỏ vào rừng” cho thấy người Khơme cũng đã không thể sống được ở những vùng quân Xiêm chiếm đóng. Điều này cũng phù hợp với những báo cáo của quan lại nhà Nguyễn với Thiệu Trị: “quân Xiêm ở bên xứ Trấn Tây, dân bản xứ khổ về việc cung đốn. Phàm có việc phải bắt dân phu, phần nhiều trốn tránh. Quân Xiêm cũng không thích ở lâu ở đấy,

thường thường lẫn trốn" (19; 348); "Bọn giặc Xiêm đến đây (Campuchia), trải đã nhiều năm, đuổi người Lạp (Campuchia) như đuổi chó dê để bắt làm nô lệ, hút máu mủ người Lạp để cho no béo" (20; 179). Trước khó khăn không thể giải quyết được là thiếu lương thực và sau khi thăm dò thấy quân Nguyễn chưa có chủ trương tấn công, đầu năm 1843 Bôđin đã xin Rama III cho rút một bộ phận lớn quân Xiêm về nước (19, 288; 2, 167).

Sau khi Bôđin rút phần lớn quân đội về Xiêm, sức ép của quân Nguyễn đối với các tỉnh đông nam Campuchia tăng lên. Cũng nhân cơ hội này một số quan lại Campuchia không quy phục Xiêm đã cầu cứu triều Nguyễn. Tháng 9 năm 1844, Tổng đốc An Giang - Hà Tiên Nguyễn Tri Phương đã tâu với Thiệu Trị: "Gần đây, Trà Tri Mê xin đem đồn Sa An hưởng ứng theo để ra sức làm việc. Cao La Hâm Mộc xin đem thổ dân Nam Ninh quy phục. Phủ Phủ Lịch Đột lại xin đem thổ dân 4 phủ Lưu An, Bình Tiêm, Kỳ Tô và Mỹ Lâm theo quan quân để hiệu dụng" (20; 129). Nguyễn Tri Phương đề nghị Thiệu Trị cho xuất quân đánh ngay. Thiệu Trị và các quan văn võ trong triều cho rằng đây là một cơ hội để "xuất quân đường đường chính chính, rất là thượng sách" (20; 130), nhưng cũng cần phải điều tra tình hình cho cẩn thận "chớ có làm liều, tiến vội" (20; 130). Tuy thận trọng, nhưng Thiệu Trị lập tức ra lệnh cho các tỉnh Vĩnh Long, Định Tường, Gia Định, Biên Hoà "tu chỉnh thuyền bè, khí giới, huấn luyện quân lính" (20; 130). Triều Nguyễn lại chuẩn bị cho một cuộc can thiệp quân sự mới vào Campuchia.

Trước tình thế trên, Ang Đông liền cử

một đoàn sứ giả mang theo một số lượng lớn đậu khấu đến triều đình Băng Cốc xin Rama III cho Bôđin mang quân trở lại Campuchia. Trên thực tế, đây là lần nộp cống đầu tiên của Campuchia cho Xiêm kể từ sau cuộc chiến tranh 1833-1834. Rama III liền cử Bôđin quay lại Campuchia với một lực lượng đông hơn hẳn trước đây. Đội quân của Bôđin lên tới 30.000 người, gồm người Xiêm, người Khơme và người Lào (2; 168).

Triều Nguyễn lập tức đưa quân vào Campuchia (tháng 6 năm 1845). Chỉ trong một thời gian ngắn, được sự ủng hộ của một số quan lại và dân chúng ở các tỉnh đông nam Campuchia, quân Nguyễn đã nhanh chóng đánh bại quân Khơme, làm chủ các tỉnh này (20; 284-296). Tháng 9 năm 1845 quân Nguyễn chiếm lại được Phnôm Pênh (20; 321, 322). Ang Đông và Bôđin cùng quân lính rút về cố thủ ở Udông. Đây là một thắng lợi lớn của quân Nguyễn trong cuộc chiến giành giật lại Campuchia với Xiêm. Thiệu Trị ban thưởng hậu hĩnh cho các tướng sĩ. Nguyễn Tri Phương được gia hàm Hiệp biện đại học sĩ; Doãn Uẩn được gia hàm Thượng thư, Tôn Thất Nghị được thăng thụ Đề đốc An Giang; Nguyễn Văn Hoàng được thăng quyền Đề đốc v.v... (20; 322, 323).

5. Sau khi chiếm được Phnôm Pênh, quân Nguyễn tiến về Udông, bao vây phủ thành. Tại đây trong tháng 10 và 11 năm 1845 đã xảy ra nhiều trận đánh ác liệt giữa hai bên (20; 340, 341, 346, 347). Trong những trận đánh này "số bị thương và chết (của cả hai bên) cũng gần ngang nhau" (20; 347), tuy nhiên không bên nào giành được thắng lợi quyết định. Sau nhiều thất bại và do lực lượng chủ yếu bị

vây ở Udông, tướng Xiêm là Bôđin đã đề nghị đàm phán. Đại Nam thực lục cho biết: “Quân ta vây Udông rất gấp. Đầu mục nước Xiêm là Chất Tri (Bôđin) hai ba lần sai người mang thư đến trại quân xin hoà. Thư đại khái nói: hai nước từ trước vẫn hoàn hiếu, gần đây vì Cao Miên (Campuchia) sinh sự, thành ra bất hoà. Việc đã qua, không dám lại nói đến. Cao Miên là một nước nhỏ, tối tăm lắm lẫn, cũng không dám trách. Xin đem việc ấy để tấu lên, chấn chỉnh tại tình hoà hiếu cũ. Thân quyến Xá Ong Giun cũng xin được ở sum họp, để được làm tôi thờ hai nước lớn” (20; 340).

Các tướng lĩnh của nhà Nguyễn sau nhiều năm tháng ở Campuchia cũng nhận thấy rằng không thể tiếp tục kéo dài cuộc chiến tranh này, vì vậy đã “tạm đình việc quân” và chờ xin ý kiến triều đình (20; 340). Nhận được lời tâu của các tướng lĩnh, Thiệu Trị nhận định: “đánh thì tất được, nhưng giữ được là khó” (20; 340). Các đại thần trong triều cũng cho rằng: “Nếu đánh mà lấy được, chưa khỏi thêm nhọc đến việc binh đao, sao bằng nhân chúng hai ba lần cúi đầu đến xin, tạm cho hoà để quân dân ta được thoả cái vui yên nghỉ, cũng là thượng sách” (20; 341).

Như vậy, về phần mình vua quan nhà Nguyễn cũng thấy rõ rằng khó có thể giành được thắng lợi trong cuộc chiến tranh này. Hơn nữa vào thời điểm đó quân Nguyễn ở Campuchia cũng gặp rất nhiều khó khăn vì “thời tiết đã đến mùa khô, lại thêm gió nóng nung nấu”, do đó “quân không đường lấy nước, nhiều người ốm đau, nếu để cho quân đội mỏi mệt lâu thì không những không có ích, chỉ uổng tốn lương, nhọc người” (20; 368). Ngoài ra, lúc

đó nhà Nguyễn còn phải lo đối phó với nguy cơ xâm lược ngày càng tăng của thực dân Pháp, vì vậy lời đề nghị hoà hoãn của Bôđin chính là một dịp tốt để nhà Nguyễn rút ra khỏi chiến tranh.

Rõ ràng cả triều đình Băng Cốc và triều đình Huế đều nhận thấy cuộc chiến đã đi đến chỗ bế tắc và đều muốn chấm dứt chiến tranh. Tuy nhiên vấn đề nhạy cảm đối với cả hai bên là phải tìm cách ra khỏi chiến tranh mà vẫn giữ được thể diện. Phía Xiêm thì đổ lỗi cho Campuchia “sinh sự” làm hai nước lớn bất hoà, còn triều đình Huế cũng tìm được lý do cho quyết định ngưng chiến của mình là lời “xin hoà” của Bôđin. Hai bên đồng ý đàm phán.

Cuộc hoà đàm diễn ra vào tháng 12 năm 1845 giữa Bôđin, đại diện cho triều đình Băng Cốc và Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn, đại diện cho triều đình Huế. Ang Đuông cũng tham dự cuộc hội đàm này. Nội dung của cuộc đàm phán xoay quanh những vấn đề chủ yếu sau: ngôi vua của Ang Đuông, việc trao trả tù binh và rút quân đội hai nước ra khỏi Campuchia.

Về vấn đề thứ nhất, phía Xiêm đề nghị triều đình Huế chấp nhận Ang Đuông là vua Campuchia và Ang Đuông sẽ làm “bê tôi thờ hai nước” (20; 367). Nguyễn Tri Phương đồng ý sẽ chuyển ngay đề nghị đó về Huế để xin ý kiến Thiệu Trị, nhưng kèm theo một điều kiện mang tính hình thức: Ang Đuông phải “dâng thư xin chịu tội” (20; 367). Khi tin tức được chuyển tới Huế, triều Nguyễn đồng ý với đề nghị của phía Xiêm (20; 367). Chấp nhận Ang Đuông làm vua Campuchia là một sự nhượng bộ của triều Nguyễn đối với triều đình Băng Cốc và là kết quả chủ yếu của

cuộc đàm phán, vì thoả thuận đó là cơ sở để giải quyết những vấn đề còn lại và chấm dứt sự tranh chấp của hai nước ở Campuchia, khôi phục nền tự chủ cho vương quốc này. Sau cuộc đàm phán ít ngày quân Nguyễn rút về Phnôm Pênh, quân Xiêm cũng lui về Pursat.

Tiếp đó, tháng 1 năm 1847, Ang Đuông cử một đoàn sứ giả đem thư và lễ phẩm đến Phnôm Pênh đề nghị các quan lại nhà Nguyễn ở đây trình lên Thiệu Trị, xin "làm tôi, nộp lễ cống" (21; 198). Khi thư được chuyển về Huế, Thiệu Trị đồng ý và sai đúc ấn "Cao Miên quốc vương" để ban cho Ang Đuông. Tháng 3 năm 1847 sứ bộ của Ang Đuông đến Huế triều cống. Sự kiện này được triều đình Huế rất quan tâm. Thiệu Trị đã ra chỉ dụ: "từ chỗ quân thú đến Kinh, sự khoản cấp ở dọc đường (cho đoàn sứ giả) đều phải nên hậu đãi, để trọng quốc thể mà yên lòng người xa" (21; 233, 234). Sau đó Thiệu Trị cử một đoàn sứ giả mang sắc, ấn sang Udông tuyên phong Ang Đuông làm "Cao Miên quốc vương" (21; 238, 239). Tháng 5 năm 1847 việc trao trả tù binh giữa hai bên đã được thực hiện ở Phnôm Pênh. Cũng trong tháng đó, triều Nguyễn rút toàn bộ quân đội về nước (5; 105). Cuối cùng vào tháng 4 năm 1848 lễ đăng quang chính thức của Ang Đuông đã được cử hành ở Udông (2; 184), với sự chứng kiến của đại diện cả hai nước Xiêm và Việt Nam.

Nhìn lại quan hệ chính trị, quân sự giữa Việt Nam - Campuchia - Xiêm trong nửa đầu thế kỷ XIX có thể nhận thấy rằng, quá trình đấu tranh nhằm giành giật ảnh hưởng ở Campuchia giữa triều đình Huế và triều đình Băng Cốc trong suốt 30 năm đầu thế kỷ XIX, mà đỉnh

điểm là cuộc tấn công bất ngờ của quân Xiêm vào Campuchia và Việt Nam cuối năm 1833, đầu năm 1834 đã làm thay đổi căn bản cục diện quan hệ giữa ba nước. Chính sách "chư hầu kép" nhằm giữ cân bằng trong quan hệ với hai nước láng giềng lớn mạnh, mà vua Campuchia Ang Chan thiết lập vào những năm đầu thế kỷ XIX và cố gắng duy trì, đã bị phá sản. Quan hệ hoà hảo giữa hai nước Việt Nam - Xiêm được Gia Long và Rama I xây dựng cũng bị sút mẻ nghiêm trọng. Ba nước rơi vào giai đoạn xung đột và chiến tranh kéo dài từ 1834 đến 1845. Trong giai đoạn này cả triều đình Huế và triều đình Băng Cốc đều tung ra những cố gắng cuối cùng nhằm chiếm địa vị độc tôn ở Campuchia.

Do chiếm ưu thế hơn Xiêm trong quan hệ với Campuchia từ năm 1813 đến 1833, lại là người chiến thắng trong cuộc chiến tranh 1833-1834, triều Nguyễn đã đưa quân chiếm đóng Campuchia và thi hành nhiều chính sách nhằm thiết lập sự thống trị của mình và gạt bỏ hoàn toàn ảnh hưởng của Xiêm ở đất nước này. Những chính sách độc đoán của triều Nguyễn và những hành động bạo ngược của quan quân nhà Nguyễn ở Campuchia đã gây bất bình rất lớn trong giới quý tộc, quan lại và dân chúng Khơme, làm bùng nổ một phong trào khởi nghĩa rộng khắp chống lại quan quân nhà Nguyễn.

Bị yếu thế trong quan hệ với triều Nguyễn về vấn đề Campuchia và do bị thất bại trong cuộc chiến tranh 1833-1834, ảnh hưởng của Xiêm ở Campuchia bị sa sút nghiêm trọng. Tuy nhiên triều đình Băng Cốc luôn chờ đợi cơ hội thuận tiện để khôi phục địa vị của mình. Cuộc khởi nghĩa chống Nguyễn của người Khơme và

sự cầu viện của một số quan lại Campuchia là thời cơ vô cùng thuận lợi để Xiêm đưa quân trở lại Campuchia. Campuchia trở thành chiến trường giữa quân Nguyễn và quân Xiêm. Cuộc chiến tranh kéo dài, nhưng bất phân thắng bại. Cuối cùng hai bên phải hoà đàm, thừa nhận nền tự chủ của Campuchia và đưa Ang Đông lên ngôi. Việc hai nước phong kiến lớn buộc phải giảng hoà và thừa nhận nền tự chủ của một nước láng giềng nhỏ hơn là một sự kiện độc đáo trong lịch sử Đông Nam Á. Điều này cũng chứng tỏ sự bất lực, thất bại của cả triều đình Huế và triều đình Băng Cốc trong việc thực hiện những tham vọng của mình ở Campuchia.

Xung đột và chiến tranh kéo dài đã để lại những hậu quả nghiêm trọng cho cả ba nước. Đất nước Campuchia bị tàn phá hết sức nặng nề. Việt Nam và Xiêm cũng bị tổn thất lớn về người và của. Quan hệ láng giềng bị rạn nứt sâu sắc. Việt Nam và Xiêm hầu như không có quan hệ gì với nhau trong một thời gian dài và luôn phải đề phòng, cảnh giác lẫn nhau. Những hậu quả tai hại đó của giai đoạn xung đột và chiến tranh kéo dài giữa ba nước Việt Nam - Campuchia - Xiêm đã để lại một bài học lịch sử mang tính thời sự: chiến tranh không phải là con đường để giải quyết những tranh chấp trong khu vực./.

CHÚ THÍCH

1. Xem: Dương Duy Bằng, "Quan hệ giữa Việt Nam - Campuchia - Xiêm giai đoạn 1802 - 1834"; Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 4 (79), 2006.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A. Leclère - *Histoire du Cambodge*, Paris, 1914
2. D.P. Chandler - *Cambodia before the French: politics in a tributary kingdom, 1794-1848*. The University of Michigan, Ph.D., 1973
3. David K.Wyatt - *Thailand - A Short History*; Silkworm Books, Chiang Mai, Thailand, 1999
4. E. Aymonier - *Le Cambodge*, tome III, Paris, 1904
5. Khin Sok - *Le Cambodge entre le Siam et le Vietnam (de 1775 à 1860)*; EFEO, Paris, 1991
6. Lương Ninh - *Lịch sử thế giới trung đại*, quyển II (các nước Đông Nam Á), Nxb Đại học và THCN, Hà Nội, 1984
7. Norodom Sihanouk - *La Monarchie Cambodgienne et la croisade royale pour l' independance*, Phnom Penh, 1965
8. Quốc sử quán triều Nguyễn - *Đại Nam liệt truyện*, tập 2, Nxb Thuận Hoá, Huế, 1993
9. Quốc sử quán triều Nguyễn - *Quốc triều chính biên toát yếu*, tập 1, Nxb Thuận Hoá, Huế, 1998
- 10, 11. Quốc sử quán triều Nguyễn - *Đại Nam thực lục*, tập 14, 15, Nxb Khoa học, Hà Nội, 1965
- 12, 13. Quốc sử quán triều Nguyễn - *Đại Nam thực lục*, tập 16, 17, Nxb Khoa học, Hà Nội, 1966
- 14, 15. Quốc sử quán triều Nguyễn - *Đại Nam thực lục*, tập 19, 20, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1968
- 16, 17. Quốc sử quán triều Nguyễn - *Đại Nam thực lục*, tập 21, 22, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1969
18. Quốc sử quán triều Nguyễn - *Đại Nam thực lục*, tập 23, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1970
- 19, 20. Quốc sử quán triều Nguyễn - *Đại Nam thực lục*, tập 24, 25, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971
21. Quốc sử quán triều Nguyễn - *Đại Nam thực lục*, tập 26, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972